

Bản án số: 77/2018/HS-PT
Ngày 10-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến;

Ông Lộc Sơn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Tống Văn Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 98/2018/TLPT-HS ngày 06 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo Nông Văn L, Lương Văn N, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2018/HS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nông Văn L, sinh ngày 11/01/1987 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 05/12; giới tính: Nam; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nông Văn T, sinh năm 1967 và bà: Hoàng Thị B, sinh năm 1965; vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1984; con: Có 01 con sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 18/5/2017 bị Công an xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi Bạo lực gia đình, bị cáo đã chấp hành xong; nhân thân: Không tốt; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2018 đến nay, có mặt.

2. Lương Văn N, sinh ngày 26/6/1971 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 06/12; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Lương Văn G, sinh năm 1945 (đã chết) và bà: Lương Thị C, sinh năm 1945 (đã chết); vợ: Hoàng Thị T1, sinh năm 1973; con: Có 02 con sinh, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1996; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn L: Ông Lương Văn C1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 02 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Văn L có quen biết Lương Văn N1, trú tại Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn làm nghề thầy cúng và biết Lương Văn N1 có thuốc chữa bệnh mắt ngủ nên khoảng tháng 10/2017, Nông Văn L đi đến nhà Lương Văn N1 để lấy thuốc. Khi đến nhà Lương Văn N1 thì Nông Văn L mới biết Lương Văn N1 ở cùng nhà với bố vợ tên là Lê Văn S. Trong lúc ăn cơm tại nhà Lương Văn N1, Nông Văn L nói với Lê Văn S là đang muốn tìm mua súng để về đi săn bắn thú rừng, Lê Văn S nói trong một lần đi vào rừng Lê Văn S đã nhặt được 01 khẩu súng CKC và 15 viên đạn nên đem về nhà cất giấu, hiện tại đang muốn bán với giá 6.000.000 đồng. Sau đó Lê Văn S đi đến chỗ cất súng lấy 02 viên đạn cho Nông Văn L xem, do không có đủ tiền nên Nông Văn L hẹn Lê Văn S khi nào có đủ tiền thì sẽ lên mua.

Đến khoảng tháng 12/2017, Nông Văn L gọi điện thoại cho Lương Văn N1 nói muốn đến nhà ăn cơm. Nông Văn L đi bộ đến chân đèo L thuộc xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn để chờ Lương Văn N1 đến đón. Lúc này Lương Văn N1 ở nhà làm cơm thì có bác họ của Lương Văn N1 là Lương Văn N đến chơi, Lương Văn N1 bảo Lương Văn N ở lại ăn cơm và nhờ Lương Văn N đi đón Nông Văn L. Lương Văn N điều khiển xe mô tô đi đón Nông Văn L và đưa về nhà Lương Văn N1 cùng ăn cơm. Trong lúc ăn cơm, Nông Văn L gọi điện thoại cho Lê Văn S nói đã mang đủ tiền để mua súng, lúc này do trời tối, Lê Văn S đang ở lán trong rừng không về được nên Lê Văn S bảo Nông Văn L đưa tiền cho Lương Văn N1 để Lương Văn N1 lấy súng cho Nông Văn L. Nông Văn L nói lại nội dung việc trao đổi mua súng với Lê Văn S cho Lương Văn N1 nghe rồi lấy 6.000.000 đồng cho Lương Văn N1. Lương Văn N1 gọi điện thoại cho Lê Văn S và nói "anh L đưa đủ 6.000.000 đồng rồi thì làm thế nào", Lê Văn S trả lời "L đưa 6.000.000 đồng rồi thì lấy súng và 15 viên đạn cho nó" rồi bảo súng cất trong tủ ngoài gian phòng khách. Lương Văn N1 mở tủ lấy súng và 15 viên đạn cho vào trong bao tải đưa cho Nông Văn L. Sau đó Nông Văn L đưa thêm cho Lương Văn N1 350.000 đồng và nói 200.000 đồng cho Lê Văn S, còn 150.000 đồng là cho Lương Văn N1 đã giúp Nông Văn L mua súng. Lúc này, Lương Văn N cùng ngồi ăn cơm nên Lương Văn N biết được việc mua bán súng giữa Nông Văn L và Lương Văn N1 nhưng Lương Văn N không nói gì cũng như không trình báo với cơ quan chức năng về sự việc trên.

Sau khi mua được súng, trên đường về Nông Văn L cho 05 viên đạn vào súng và bắn rồi đem súng và 10 viên đạn còn lại về nhà ở Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn cất giấu. Nông Văn L tiếp tục sử dụng súng các ngày sau đó và bắn hết 10 viên đạn còn lại và nhặt 02 vỏ đạn đem về nhà. Đến ngày 17/02/2018, Nông Văn L đem khẩu súng CKC và 02 vỏ đạn đến Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đầu thú.

Tại kết luận giám định số 69/GĐ-PC54 ngày 27/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: 01 khẩu súng dài 101cm gửi giám

định là súng quân dụng CKC, bắn đạn quân dụng cỡ 7,62 x 39mm, hiện tại khẩu súng sử dụng và bắn được; 02 vỏ đạn bằng kim loại dài 39mm màu nâu đỏ gửi giám định đều là vỏ đạn quân dụng cỡ 7,62 x 39mm và đều được bắn ra từ khẩu súng CKC gửi giám định.

Với nội dung vụ án nêu trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2018/HS-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nông Văn L phạm Tội mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, bị cáo Lê Văn S phạm Tội mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, bị cáo Lương Văn N1 phạm Tội mua bán trái phép vũ khí quân dụng, bị cáo Lương Văn N phạm Tội không tố giác tội phạm.

Về hình phạt:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 230; điểm o, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 33, 45, 53 Bộ luật Hình sự 1999, xử phạt bị cáo Nông Văn L 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/02/2018.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 314; điểm h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 33, 45 Bộ luật Hình sự 1999, xử phạt bị cáo Lương Văn N 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Lê Văn S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; tuyên phạt bị cáo Lương Văn N1 01 (một) năm tù cho hưởng án treo; phần xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo.

Trong các ngày 05/7/2018 và 11/7/2018, bị cáo Nông Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Lương Văn N kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nông Văn L, Lương Văn N giữ nguyên kháng cáo. Các bị cáo trình bày lý do kháng cáo như sau:

Bị cáo Nông Văn L cho rằng mức hình phạt 02 (hai) năm tù cấp sơ thẩm đã tuyên là quá cao so với hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lương Văn N trình bày bị cáo không hiểu biết pháp luật, lại có quan hệ họ hàng với Lương Văn N1 nên nể nang không tố giác việc mua bán súng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, tại địa phương luôn chấp hành tốt pháp luật, có khả năng tự cải tạo tại địa phương, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nông Văn L, Lương Văn N làm trong hạn luật định nên hợp lệ. Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo. Về mức hình phạt thấy rằng mức án 02 (hai) năm tù cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Nông Văn L là phù hợp, tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo không đưa ra được tình tiết nào mới làm căn cứ cho việc kháng cáo. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nông Văn L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với bị cáo Lương Văn N là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình tài liệu mới đó là đã tự giác chấp hành một phần quyết định của bản án sơ thẩm thể hiện sự ăn năn hối cải; xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ở địa

phương đều chấp hành tốt quy định. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Văn N, xử giữ nguyên hình phạt tù theo quyết định của bản án sơ thẩm nhưng chuyển cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn L xin vắng mặt tại phần tranh luận và gửi bản luận cứ bào chữa cho Hội đồng xét xử. Tại bản luận cứ bào chữa, người bào chữa cho bị cáo Nông Văn L trình bày tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội bị cáo đã đến Cơ quan chức năng tự thú, bị cáo không có tiền tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nông Văn L.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Nông Văn L, Lương Văn N cho rằng đã nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, các bị cáo Nông Văn L, Lương Văn N đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ xác định: Khoảng tháng 10/2017, Nông Văn L đi đến nhà Lương Văn N1 lấy thuốc chữa chứng mất ngủ thì biết Lương Văn N1 có bố vợ là Lê Văn S đang cất giấu 01 khẩu súng quân dụng CKC và 15 viên đạn muốn bán với giá 6.000.000 đồng, Nông Văn L đã hẹn với Lê Văn S khi nào có đủ tiền thì sẽ đến mua. Đến khoảng tháng 12/2017 Nông Văn L đến nhà Lương Văn N1, sau đó gọi điện thoại cho Lê Văn S nói là đã đem đủ tiền đến mua súng. Do Lê Văn S không có nhà nên đã gọi điện thoại cho Lương Văn N1 nhận tiền và lấy súng cho Nông Văn L. Sau khi mua được súng, Nông Văn L đem về sử dụng và bắn hết số đạn. Đối với Lương Văn N là người chứng kiến toàn bộ quá trình mua bán súng nhưng không tố giác với cơ quan chức năng. Do đó Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử bị cáo Nông Văn L về Tội mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng theo khoản 1 Điều 230 Bộ luật Hình sự 1999; xét xử bị cáo Lương Văn N về Tội không tố giác tội phạm theo khoản 1 Điều 314 Bộ luật Hình sự 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nông Văn L, Hội đồng xét xử thấy rằng cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Nông Văn L. Bị cáo Nông Văn L là người có nhân thân không tốt, từng bị xử phạt hành chính về hành vi Bạo lực gia đình nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm, tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng; do đó mức hình phạt 02 (hai) năm tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp. Quá trình kháng cáo cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không xuất trình

được thêm tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Văn L, cần giữ nguyên phần hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lương Văn N, Hội đồng xét xử thấy rằng cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Lương Văn N là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại các điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, tuy nhiên mức hình phạt 05 (năm) tháng tù cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, bởi bị cáo Lương Văn N là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong vụ án bị cáo chỉ có vai trò thứ yếu do nể nang về quan hệ họ hàng xa mới không đi tố giác. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Lương Văn N cung cấp thêm tình tiết mới là đơn xác nhận của chính quyền địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và cung cấp thêm Biên lai thu tiền số: AA/2015/0005052 ngày 12/7/2018 bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, điều đó cho thấy ý thức chấp hành bản án sơ thẩm và sự ăn năn hối cải của bị cáo Lương Văn N. Xét, bị cáo Lương Văn N có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 60 của Bộ luật Hình sự 1999 nên thấy rằng không cần thiết phải cách ly bị cáo Lương Văn N ra khỏi đời sống xã hội, xử phạt bị cáo mức án tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo là phù hợp, từ đó thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Văn N như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nông Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lương Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Văn L, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2018/HS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn về phần hình phạt đối với bị cáo Nông Văn L, cụ thể:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 230; điểm o, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 33, 45, 53 Bộ luật Hình sự 1999, xử phạt bị cáo Nông Văn L 02 (hai) năm tù về "Tội mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/02/2018.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Văn N, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2018/HS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân

dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn về phần hình phạt đối với bị cáo Lương Văn N, cụ thể:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 314; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 45; Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999; xử phạt bị cáo Lương Văn N 05 (năm) tháng tù cho hưởng án treo về "Tội không tố giác tội phạm", thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày xét xử phúc thẩm (10/9/2018).

Giao bị cáo Lương Văn N cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

II. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nông Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Lương Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

III. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an h. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa hình sự, HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Sơn